

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **06/2023/HNGĐ - ST**

Ngày: 17/03/2023

V/v: “*Ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh

2. Ông Trần Ngọc Đới

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Thủy - Kiểm sát viên.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Bá Văn Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 282/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc: *Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 28/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn C nay là T1, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Anh Nông Thế M, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn C nay là T, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Có mặt nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Chị với anh Nông Thế M xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng chị.

Ngày 29/10/2012 vợ chồng có đến UBND xã S, huyện B để đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 29/10/2012.

Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng vào Đồng Nai làm thuê sinh sống.

Cuộc sống chung vợ chồng sống chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh M từ ngày đi làm ăn xa thì tính tình thay đổi, ngang nhiên cặp bồ bịch không sợ dư luận.

Năm 2016 anh M dọn ra ở riêng với người phụ nữ khác đến nay không đoái hoài đến tâm tư, suy nghĩ của chị. Con cái anh cũng ít hỏi han, quan tâm thì thoảng mới ghé thăm con một chút rồi lại đi theo người tình.

Biết bao năm nay chị cam chịu và nghĩ đến mối quan hệ hai bên nội, ngoại gia đình và hơn hết là mong muốn con có đầy đủ tình thương của bố mẹ mà bỏ qua cho anh M.

Nhiều lần chị cố khuyên nhủ nhưng anh M không hề thay đổi, chị càng nhịn thì anh M càng quá đáng, không nhận ra sai trái của mình. Tình cảm đã không dành trọn vẹn cho chị mà mỗi lần về nhà là kiểm chuyện buông lời chửi mắng và đánh đập chị.

Hai bên gia đình biết chuyện và gia đình chồng cũng khuyên can nhưng anh M vẫn không thay đổi.

Nhận thấy mục đích hôn nhân vợ chồng không đạt được, không thể đoàn tụ. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nông Thế M.

Về con chung: Vợ chồng 01 con chung là Nông Thị Như Y— sinh ngày 31/7/2013 hiện con đang ở với mẹ, sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nông Thế M: Anh Nông Thế M không đến Tòa án theo giấy triệu tập, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người làm chứng:

Ông Nông Viết S1 (ba ruột của anh M) trình bày: T và M xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Hai bên gia đình có tổ chức đám cưới cho vợ chồng T, M.

Sau khi cưới vợ chồng vào tỉnh Đồng Nai làm ăn sinh sống rất ít khi về nhà. Việc vợ chồng T và M phát sinh mâu thuẫn thì vợ chồng ông có biết nguyên nhân do M có quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng ông đã nhiều lần khuyên can M nhưng M vẫn chưa từ bỏ, vợ chồng ông cũng nói với T cho M thời gian để M trở về

và T cũng nghe lời. Nhưng mấy năm nay M vẫn vậy nên vợ chồng ông có nói với T nếu con không chịu đựng được thì nên giải thoát cho nhau.

Ý kiến của vợ chồng ông là T yêu cầu ly hôn với M thì nên giải quyết quyết cho T được ly hôn.

Bà Huỳnh Thị N (mẹ ruột chị T) trình bày: T và M xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Hai bên gia đình có tổ chức đám cưới cho vợ chồng T M.

Sau khi cưới vợ chồng vào tỉnh Đồng Nai làm ăn sinh sống.

Lâu lâu bà gọi điện hỏi thăm thì T nói M ngoại tình cặp bồ, T nói M không bỏ.

Hai bên gia đình biết chuyện và cũng có hòa giải cho vợ chồng T nhưng M không thay đổi.

Hai bên gia đình không có mâu thuẫn gì chỉ mong con cái sống hạnh phúc. Nhưng M cứ vậy thì không ai có thể chịu đựng nổi.

Theo ý kiến bà thì Tòa án nên giải quyết cho T được ly hôn với M.

Về con chung: Nên giao cho T nuôi vì từ đó đến nay T là người nuôi dưỡng cháu Ý.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân pháp luật đúng theo quy định tại Điều 12 BLTTDS, thành phần HĐXX đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, không có trường hợp phải từ chối hoặc phải thay đổi người tiến hành tố tụng. Về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa cũng như phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định tại các Điều 237, Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn: Không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy, theo quy định Luật hôn nhân và gia đình, vợ chồng thì phải biết thương yêu và quý trọng nhau, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng hiện nay cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh M phát sinh mâu thuẫn. Anh M có quan hệ tình cảm với người khác, không làm tròn trách nhiệm người chồng, vợ chồng không còn sống chung với nhau, không san sẻ, quan tâm, lo lắng cho nhau, Chị T nhiều lần tạo điều kiện, cơ hội, khuyên nhủ anh M thay đổi để vợ chồng cùng

nhau chung sống, xây dựng gia đình hạnh phúc và đồng thời hai bên gia đình anh M, chị T hòa giải nhiều lần nhưng anh M không thay đổi do đó không thể hàn gắn được.

Đồng thời, Tòa án tiến hành triệu tập, tổ chức hòa giải tuy nhiên anh M không đến Tòa án để làm việc, hòa giải chứng tỏ anh M cũng không còn muốn níu kéo, hàn gắn tình cảm, hôn nhân với chị T, hiện chị T không còn tình cảm với anh M, do đó mục đích hôn nhân của chị T và anh M không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn đối với anh Nông Thế M.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nông Thị Như Y (sinh ngày 31/7/2013), hiện đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Xét hoàn cảnh thực tế cũng như nguyện vọng của cháu Ý và đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần của con chung, do đó giao con chung tên Nông Thị Như Ý cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015; Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Kim T ly hôn với anh Nông Thế M.

- Về con chung: Giao con chung tên Nông Thị Như Y – sinh ngày 31/7/2013, cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nông Thế M có hộ khẩu thường trú: Thôn Cầu Vượt nay là thôn Thanh Bình, xã Sông Bình, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Kim T, HĐXX nhận thấy: quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nông Thế M được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại xã S, huyện B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 29/10/2012 nên là hôn nhân hợp pháp, chị T có đơn ly hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Chị T và anh M xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012 cuộc sống vợ chồng sống chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh M có quan hệ với người phụ nữ khác. Năm 2016 anh M dọn ra ở riêng với người phụ nữ khác từ đó không ai quan đến vợ con. Chị T nhiều lần tạo điều kiện, cơ hội, khuyên nhủ anh M thay đổi để vợ chồng cùng nhau chung sống nhưng anh M không chịu quay về. Hai bên gia đình anh M, chị T hòa giải nhiều lần nhưng anh M không thay đổi do đó không thể hàn gắn được.

Tòa án tiến hành triệu tập, tổ chức hòa giải tuy nhiên anh M không đến Tòa án để làm việc, hòa giải chứng tỏ anh M cũng không còn muốn níu kéo, hàn gắn tình cảm, hôn nhân với chị T.

Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau một thời gian dài. Như vậy mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị T và anh M sự đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Vợ chồng 01 con chung là Nông Thị Như Y– sinh ngày 31/7/2013, Tòa án đã ghi ý kiến của cháu Y nguyện vọng của cháu là ở với mẹ. Chị T cũng là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và chị T đủ điều kiện để nuôi con, nên Hội đồng xét xử giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành.

Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn và anh Nông Thế M.

Về con chung: Giao con chung tên Nông Thị Như Y– sinh ngày 31/7/2013 cho chị Nguyễn Thị Kim T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, chị Phượng đã nộp tại biên lai thu số 0002538, ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, Chị Nguyễn Thị Kim T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh, Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Sông Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thanh Nữ Kiều Oanh

